

Bản án số: **58/2021/HN-ST**

Ngày: 23- 6 - 2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Điều Mẫn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 Hội trường xét xử B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXX- ST ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L kết hôn vào năm 1994 nhưng do có mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước. Sau đó, vì thương con nên hai bên đã về ở với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn từ thời điểm cuối

năm 2007 cho đến nay. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông L có 02 con chung gồm: Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1995, Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003. Quá trình giải quyết bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thanh H nhưng thay đổi yêu cầu, không yêu cầu về giải quyết nuôi con chung nữa vì việc nuôi con chung đã được giải quyết bằng Quyết định số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/07/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (cũ).

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà H thay đổi ý kiến và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Ngọc L: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án mà không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L là vợ chồng; về con chung đã được giải quyết tại Quyết định thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước nên bà H không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung: bà H rút yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này; về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc L, bị đơn có nơi cư trú tại tổ 3, ấp T, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L có đăng ký kết nhưng đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước. Từ cuối năm 2007 cho đến nay, bà H và ông L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì phải tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L là vợ chồng nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đã được giải quyết tại Quyết định thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước nên bà H không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng nay bà H rút yêu cầu, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên đình chỉ giải quyết về nội dung này.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 09, 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L là vợ chồng.

- Về con chung: Đã được giải quyết tại Quyết định thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 42/2007/QĐ-ST ngày 20/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H.

- Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023558 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 023559 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học